



Name:

Class: 3....

PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH (14 - 18/03/2022)

Thời gian	Nội dung học: Unit 7 - Reading (trang 110)
Thứ 2 (14/03)	1) Nghe và đọc truyện “Youth Music News” trang 110 – sách Student book.  2) Tìm và gạch chân các từ chỉ nhạc cụ và các tính từ (adjectives) trong truyện. 3) Các con làm bài trên tài khoản Portal NIK.
Thứ 3 (15/03)	1) Nghe và đọc truyện “Youth Music News” trang 110 – sách Student book.  2) Làm trang 96 sách Workbook. 3) Con làm phiếu số 1 trên Liveworksheet.

Thứ 4 (16/03)	1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần) Con mở audio bên cạnh để nghe bài. <table border="1" data-bbox="445 179 1276 526"> <thead> <tr> <th>adjectives</th><th>comparative</th><th>superlative</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td>1) long</td><td>longer than</td><td>the longest</td></tr> <tr><td>2) loud</td><td>louder than</td><td>the loudest</td></tr> <tr><td>3) scary</td><td>scarier than</td><td>the scariest</td></tr> <tr><td>4) angry</td><td>angrier than</td><td>the angriest</td></tr> <tr><td>5) big</td><td>bigger than</td><td>the biggest</td></tr> <tr><td>6) thin</td><td>thinner than</td><td>the thinnest</td></tr> <tr><td>7) bad</td><td>worse than</td><td>the worst</td></tr> <tr><td>8) good</td><td>better than</td><td>the best</td></tr> </tbody> </table> 2) Con làm phiếu số 2-3 trên Liveworksheet. 3) Con chuẩn bị bài nói, quay video sau đó nộp lên teams. (Hạn nộp – thứ 6 ngày 25/3)	adjectives	comparative	superlative	1) long	longer than	the longest	2) loud	louder than	the loudest	3) scary	scarier than	the scariest	4) angry	angrier than	the angriest	5) big	bigger than	the biggest	6) thin	thinner than	the thinnest	7) bad	worse than	the worst	8) good	better than	the best
adjectives	comparative	superlative																										
1) long	longer than	the longest																										
2) loud	louder than	the loudest																										
3) scary	scarier than	the scariest																										
4) angry	angrier than	the angriest																										
5) big	bigger than	the biggest																										
6) thin	thinner than	the thinnest																										
7) bad	worse than	the worst																										
8) good	better than	the best																										
Thứ 5 (17/03)	1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần) Con mở audio bên cạnh để nghe bài. <table border="1" data-bbox="445 672 1276 974"> <thead> <tr> <th>adjectives</th><th>comparative</th><th>superlative</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td>1) long</td><td>longer than</td><td>the longest</td></tr> <tr><td>2) loud</td><td>louder than</td><td>the loudest</td></tr> <tr><td>3) scary</td><td>scarier than</td><td>the scariest</td></tr> <tr><td>4) angry</td><td>angrier than</td><td>the angriest</td></tr> <tr><td>5) big</td><td>bigger than</td><td>the biggest</td></tr> <tr><td>6) thin</td><td>thinner than</td><td>the thinnest</td></tr> <tr><td>7) bad</td><td>worse than</td><td>the worst</td></tr> <tr><td>8) good</td><td>better than</td><td>the best</td></tr> </tbody> </table> 2) Con làm phiếu số 3 trên Liveworksheet. 3) Ghi âm bài đọc cô gửi trên teams.	adjectives	comparative	superlative	1) long	longer than	the longest	2) loud	louder than	the loudest	3) scary	scarier than	the scariest	4) angry	angrier than	the angriest	5) big	bigger than	the biggest	6) thin	thinner than	the thinnest	7) bad	worse than	the worst	8) good	better than	the best
adjectives	comparative	superlative																										
1) long	longer than	the longest																										
2) loud	louder than	the loudest																										
3) scary	scarier than	the scariest																										
4) angry	angrier than	the angriest																										
5) big	bigger than	the biggest																										
6) thin	thinner than	the thinnest																										
7) bad	worse than	the worst																										
8) good	better than	the best																										

Thứ 6
(18/03)

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần)

Con mở **audio** bên cạnh để nghe bài.

adjectives	comparative	superlative
1) long	longer than	the longest
2) loud	louder than	the loudest
3) scary	scari e r than	the scari e est
4) angry	angri e r than	the angri e est
5) big	bigger than	the biggest
6) thin	thinner than	the thinn e est
7) bad	worse than	the worst
8) good	better than	the best

2) Con làm phiếu số 4 trên Liveworksheet.

~ THE END ~